

Phú Lợi, ngày 26 tháng 8 năm 2025

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC LÁ
NĂM HỌC: 2025-2026

Căn cứ kế hoạch giáo dục của chuyên môn trường Mầm non Hoa Phượng. Tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch thực hiện hoạt động giáo dục của tổ năm học 2025- 2026 như sau:

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG VỀ GIÁO VIÊN

Tổng số	Nữ	Đảng viên	Trình độ			Tin học		Ngoại ngữ		Chính trị
8	8	6	ĐH	CĐ	TC	A	B	A	B	SC
			6	2		5	3	3	5	8

- Quy mô lớp – trẻ

- Tổng số lớp: 4 lớp, tổng số trẻ: 125/67 Nữ

+ Lá 1: 32/18

+ Lá 2: 32/ 16

+ Lá 3: 31/ 16

+ Lá 4: 32/17

PHẦN II: MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC

I. Mục tiêu chung: Gồm 5 lĩnh vực.

1. Phát triển thể chất:	- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ. - Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế. - Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động ; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian. - Có kĩ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay. - Có một số hiểu biết về thực phẩm và lợi ích của việc ăn uống đối với sức khỏe. - Có một số thói quen, kĩ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.
2. Phát triển nhận thức:	- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có khả năng quan sát, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định. - Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác

	nhau. - Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu. - Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.
3. Phát triển ngôn ngữ:	- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày. - Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...) - Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hằng ngày. - Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại chuyện. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi. - Có một số kĩ năng ban đầu đọc và viết.
4. Phát triển thẩm mỹ:	- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật. - Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình. - Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật;
5. Phát triển tình cảm xã hội:	- <i>Có ý thức về bản thân.</i> - Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực. - Có một số kĩ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ. - Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

II. Mục tiêu cụ thể:

* Khối lá:

Lĩnh vực	STT	Mục tiêu giáo dục năm học	Nội dung giáo dục năm học
Giáo dục phát triển thể chất	1	- Thực hiện đủ các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp trong bài tập thể dục theo hướng dẫn	Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẩy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. Lưng, bụng, lườn: + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái.

		+ Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. - Chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.
2	- Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động, giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động	- Đi và chạy: + Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyu gối. + Đi trên dây (dây đặt trên sàn), đi trên ván kê dốc. + Đi nổi bàn chân tiến, lùi. + Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng, đích đích theo hiệu lệnh.
3	-Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động, giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động	-Chạy 18m trong khoảng 10 giây. - Chạy chậm khoảng 100 - 120m.
4	- Phát triển sự linh hoạt giữa đôi bàn tay, bàn chân và sự nhanh mạnh của đôi mắt trong vận động, điều chỉnh hoạt động theo tín hiệu.	- Bò, trườn, trèo: + Bò bằng bàn tay và bàn chân 4m - 5m. + Bò đích đích qua 7 điểm. + Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m.
5	- Phát triển sự linh hoạt giữa đôi bàn tay, bàn chân và sự nhanh mạnh của đôi mắt trong vận động, điều chỉnh hoạt động theo tín hiệu.	+ Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. + Trèo lên xuống 7 giống thang.
6	-Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập.	- Tung, ném, bắt: + Tung bóng lên cao và bắt. + Tung, đập bắt bóng tại chỗ. + Đi và đập bắt bóng. + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. + Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay. + Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân.

Giáo dục phát triển thể chất	7	- Biết phối hợp vận động các giác quan.	Bật - nhảy: + Bật liên tục vào vòng. + Bật xa 40 - 50cm. + Bật - nhảy từ trên cao xuống (40 - 45cm). + Bật tách chân, khép chân qua 7 ô. + Bật qua vật cản 15 - 20cm. + Nhảy lò cò 5m.
	8	Thể hiện nhanh nhẹn, khéo léo	+ Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 35 - 40cm). + Chuyên, bắt bóng qua đầu, qua chân - Bắt và Ném bóng với người đối diện bằng 2 tay (khoảng cách xa 4m)
	9	- Ném trúng đích đứng (xa 2m x cao 1,5m)	- Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. - Ném trúng đích đứng 1 tay, 2 tay. - Chuyên bắt bóng qua đầu, qua chân.
	10	- Bò, trườn, trèo - Trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,5 m so với mặt đất.	- Trèo lên xuống thang ở độ cao 1,5m - Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5mx30cm - Trèo lên xuống 7 giống thang
	11	Bò vòng qua 5-6 điểm đích đặt, cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu	- Bò bằng bàn tay và bàn chân 4m – 5m - Bò Zích zắc qua 7 điểm, cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu. - Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m
	12	Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. Biết Tự mặc và cởi quần áo.	- Các loại cử động của bàn tay, ngón tay, cổ tay. - Lắp ráp các hình, khâu luồn các hạt, buộc dây. - Cài, cởi cúc áo, quần, kéo khoá (phích mớ tua), khâu, luồn, buộc dây.
	13	- Nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu.	- Đứng co 1 chân, Nhảy lò cò tự do, Nhảy lò cò 4 – 5 m - Nhảy lò cò, đổi chân. - Nhảy lò cò 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu.
	14	- Đi, đập và bắt được bóng nảy bằng 2 tay 4-5-lần liên tiếp	- Đi và đập bắt bóng - Đi, đập và bắt được bóng nảy bằng 2 tay 4-5-lần liên tiếp - Chuyên bóng qua đầu, qua chân.
	15	- Đi thẳng bằng được trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m) không làm rơi vật đặt trên đầu Đứng 1 chân và giữ thẳng người trong vòng 10 giây, đi lên xuống	- Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khụy gối. - Đi nổi bàn chân tiến lùi - Đi trên dây, Đi lên xuống trên ván dốc theo mục tiêu

Giáo dục phát triển thể chất		trên ván dốc(dài 2m rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m.	- Đi thẳng bằng trên ghế thể dục.
	16	- Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong khoảng thời gian (5- 7),10 giây	- Chạy tự do, Chạy thay đổi tốc độ. - Chạy 15m trong khoảng 10 giây. - Chạy 18m trong khoảng 5 – 7 giây - Chạy tốc độ vừa sức.
	17	- Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian	- Chạy theo đường zích zắc. - Chạy chậm khoảng 100 -120m - Chạy liên tục khoảng 150m không hạn chế thời gian.
	18	- Tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút.	- Rèn luyện thói quen làm việc đến nơi đến chốn. - Rèn luyện nề nếp học tập - Rèn tính tập trung chú ý. - Tổ chức các hoạt động có chủ đích
	19	- Biết rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn	- Thói quen rửa tay bằng xà phòng - Tập luyện thao tác rửa tay đúng cách theo 6 bước. - Rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. Giữ gìn vệ sinh cá nhân
	20	- Biết Tự rửa mặt, chải răng hàng ngày	- Ích lợi của việc vệ sinh răng miệng - Kỹ năng đánh răng, lau mặt. - Thói quen đánh răng rửa mặt hàng ngày. - Giữ gìn vệ sinh răng miệng. đầu tóc mặt mũi...
	21	- Biết Kể được tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày.	- Nói được các bữa ăn trong ngày và một số thức ăn hằng ngày ở trường, ở nhà , - Kể tên những món ăn mà trẻ biết, cách chế biến một số món ăn đơn giản - Biết bốn nhóm thực phẩm .Nhu cầu dinh dưỡng để cơ thể mau lớn, khỏe mạnh. - Làm quen một số thao tác trong việc chế biến món ăn, thức uống đơn giản.
	22	- Biết và không ăn, uống một số thứ có hại cho sức khỏe.	- Sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (Tiêu chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, ...) - Biết và không uống nhiều nước

Giáo dục phát triển thể chất			ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ bị béo phì. - Biết và không ăn những món ăn nguội lạnh , ôi thiu, những thức ăn không hợp vệ sinh.
	23	- Nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm.	- Nhận biết một số đồ vật gây nguy hiểm như : Cây nhọn, que, đinh, kim, thủy tinh, dao., kéo.. - Biết bảo vệ sức khỏe không chơi những vật dụng gây nguy hiểm đến tính mạng.
	24	- Biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm như: Chơi cây nhọn, lấy cây que đâm vào mắt mũi của mình và bạn, nhét hạt vào mũi.. - Ý thức trong việc bảo vệ an toàn cho bản thân và mọi người. - Biết được hành động đúng , hành động sai.
	25	-Biết, không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm.	- Nhận biết những nơi không an toàn như: Chơi gần ổ cắm điện, bếp lò, bình nước đun sôi, giếng nước, ao hồ, chơi ngoài lòng đường, chuồng trại nuôi thú.. - Nhận biết và không chơi những nơi mất vệ sinh như : Khu chăn nuôi, bãi rác, ...
	26	– Biết không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép	-Giáo Dục Trẻ có thói quen xin phép cô, ba -mẹ, người lớn, người thân khi nhận quà . Không theo người lạ mặt ra khỏi trường. -Biết tránh một số trường hợp không an toàn: Có người lạ bế ẵm, cho kẹo, rủ đi chơi...
	27	- Biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm.	-Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ như: Kẹt tay, chân vào đồ vật nào đó, ngã, đuối nước, động vật cắn, ông đốt, tai nạn liên quan đến giao thông, vật sắc nhọn, các hạt làm ngạt thở, điện giật,... -Biết kêu cứu ngay khi gặp trường hợp khẩn cấp hoặc chạy khỏi nơi nguy hiểm.

	28	- Biết hút thuốc lá là có hại và không lại gần người đang hút thuốc.	- Nhận biết một số tác hại thông thường của thuốc lá khi hút hoặc ngửi khói thuốc lá như: Ho, khó chịu, khó thở, viêm phổi... - Không đến gần người đang hút thuốc lá.
Giáo dục phát triển nhận thức	29	Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.	Bé nhận biết chức năng của 5 giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.
	30	- Biết nói một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình	- Các thông tin về cá nhân như: Họ tên, ngày sinh, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân, trách nhiệm của bản thân trong gia đình, trong lớp học. - Các thông tin về gia đình: họ tên bố, mẹ, anh, địa chỉ, số nhà, số điện thoại của bố, mẹ, của gia đình - Biết về các thành viên trong gia đình, vị trí của trẻ trong gia đình - Nghề nghiệp của bố, mẹ, sở thích của các thành viên trong gia đình, nhu cầu của gia đình, qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn).
	31	- Biết nói một số thông tin quan trọng về bé, bạn các cô, các bác trong trường	- Những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non, công việc của các cô, các bác trong trường. - Đặc điểm, sở thích của các bạn, các hoạt động của trẻ ở trường.
	32	-Biết ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân.	-Biết một số ứng xử cần có của bạn gái, bạn trai. -Biết lựa chọn trang phục phù hợp với giới tính. -Chức năng các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.
	33	-Biết gọi tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung	- Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả. - So sánh sự giống và khác nhau của một số con vật, cây, hoa, quả. - Phân loại cây hoa quả, con vật theo 2 – 3 dấu hiệu.
	34	-Biết gọi tên đồ vật theo đặc điểm chung	- Tên gọi, đặc điểm, chất liệu, cấu tạo và công dụng của đồ dùng đồ chơi. - Mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm

Giáo dục phát triển nhận thức			cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng đồ chơi quen thuộc. - Phân loại đồ dùng đồ chơi theo 2 – 3 dấu hiệu.
	35	-Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật.	-Quá trình phát triển của cây, con vật, điều kiện sống của một số loại cây, con vật. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa cây cối, con vật với môi trường sống. - Cách chăm sóc bảo vệ con vật, cây cối.
	36	-Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của một số hiện tượng tự nhiên.	- Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời và mặt trăng. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi - Các nguồn nước trong môi trường sống. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước - Ích lợi của nước với đời sống con người, các con vật, cây cối. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, các con vật và cây cối.
Giáo dục phát triển nhận thức	37	Nói được một số đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống.	- Biết tên gọi các mùa trong năm : Mùa xuân, mùa hè, mùa đông và mùa thu. - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. + Mùa xuân: Nhiều hoa nở, có nhiều quả ngon, không khí mát mẽ. + Mùa hè: Nắng, gió, oi bức, có nhiều hoa phượng nở. có một số trái cây đặc trưng vào mùa hè + Mùa Thu: Bầu trời trong xanh gió mát, có ngày nắng ngày mưa, mùa bé tụt trường... + Mùa đông: Trời se lạnh, trong mùa đông có lễ Noel.
	38	Biết dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra.	- Nhận biết một số hiện tượng sắp có mưa như : Mây đen, gió to, trời sầm

		tối, sấm chớp... . Trời nắng: Bầu trời trong xanh, mây trắng, có ông mặt trời... -Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra.
39	– Biết phân loại được một số đồ dùng thông thường theo chất liệu và công dụng *Phương tiện giao thông (đặc điểm...)	- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi. - So sánh sự giống nhau và khác nhau của đồ dùng đồ chơi và sự đa dạng của chúng. - Phân loại đồ dùng đồ chơi theo 2 – 3 dấu hiệu. Phương tiện giao thông. - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông. - Phân loại phương tiện theo 2 – 3 dấu hiệu.
40	Kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống.	- Tên gọi và đặc điểm nổi bật của một số địa điểm công cộng tại địa phương, trường tiểu học, ... - Một số hoạt động ở các khu công cộng trẻ biết.
41	Kể được một số nghề phổ biến nơi trẻ sống.	-Tên gọi, công cụ và sản phẩm của một số nghề trong xã hội. -Ý nghĩa của các nghề quen thuộc, nghề truyền thống ở địa phương.
42	Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10.	- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Ôn, nhận biết các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10. - Nhận biết ý nghĩa của các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (Số nhà, biển số xe...). - Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10.
43	– Biết tách 10 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm.	- Tách một nhóm thành 2 nhóm bằng 2-3 cách. - Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm. - So sánh số lượng của các nhóm đồ vật trong phạm vi 10
44	- Biết cách đo độ dài và nói kết quả đo.	a/ Đo độ dài - Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau - Đo độ dài các vật bằng một đơn vị đo, so sánh và diễn đạt kết quả đo.

		b/ Đo dung tích. - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.
45	– Nhận ra được khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật và khối trụ theo yêu cầu.	- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế. - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. - Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.
46	- Xác định được vị trí (trong, ngoài, trên, dưới, trước, sau, phải, trái) của một vật so với một vật khác.	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước – phía sau; phía trên – phía dưới; phía phải – phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.
47	-Biết gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự;	- Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai. - Gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự
48	– Biết phân biệt được hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày;	- Nhận biết chữ số biểu thị tên gọi của các thứ/ngày trong tuần. - Phân biệt được các sự kiện diễn ra trong ngày/ tuần.
49	- Nói được ngày trên lịch và giờ trên đồng hồ.	- Xem lịch biết đọc số biểu thị thứ tự các ngày trên lịch. - Xem đồng hồ, nói được giờ trên đồng hồ.
50	- Thích đặt câu hỏi;	- Thích đặt câu hỏi để tìm hiểu và làm rõ thông tin về một sự vật, sự việc hay người nào đó. - Chủ động đặt câu hỏi trong các giờ hoạt động tìm hiểu, khám phá, quan sát...
51	- Thích khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh.	- Làm một số thí nghiệm - Thích đặt câu hỏi để tìm hiểu, làm rõ thông tin về một sự vật hiện tượng nào đó. - Quan sát các sự vật , hiện tượng xung quanh
52	- Giải thích được mối quan hệ nguyên nhân - kết quả đơn giản	- Quan sát và phân tích đơn giản một số hiện tượng xảy ra trong sinh hoạt

		trong cuộc sống hằng ngày;	hàng ngày. - Biết nguyên nhân dẫn đến kết quả của một số sự việc.
	53	- Biết loại được một đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại;	- Nhận ra sự khác biệt của một đối tượng không cùng nhóm với những đối tượng còn lại. - Biết giải thích khi loại bỏ đối tượng đó.
	54	- Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo qui tắc.	- Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu. - Nhận ra qui tắc sắp xếp theo mẫu và sao chép lại. - Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.
	55	- Biết đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát;	- Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc 1 đoạn) - Thay tên mới cho câu chuyện đúng với nội dung, ý nghĩa của câu chuyện. - Đặt tên cho đồ vật trẻ thích.
	56	- Biết Thực hiện một số công việc theo cách riêng của mình	- Lựa chọn cách thực hiện một số công việc theo cách riêng của mình. - Có ý tưởng khác với các bạn khi tạo ra sản phẩm nào đó.
	57	- Biết kể lại câu chuyện quen thuộc theo cách khác.	- Biết thay tên nhân vật, tên câu chuyện phù hợp với nội dung. - Kể chuyện sáng tạo - Kể lại câu chuyện quen thuộc theo các khác
Giáo dục phát triển ngôn ngữ	58	- Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi.	- Kể chuyện cho trẻ nghe - Đóng kịch theo nội dung câu chuyện vừa kể. - Xem phim truyện trên màn hình phù hợp với chương trình và độ tuổi trẻ
	59	- Nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2, 3 hành động;	- Hiểu và làm theo được 2 – 3 yêu cầu liên tiếp. - Nghe hiểu nội dung của lời nói trong giao tiếp
	60	- Hiểu nghĩa một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi.	- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.
	61	- Nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.

Giáo dục phát triển ngôn ngữ		lứa tuổi của trẻ.	- Nghe các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ phù hợp với độ tuổi.
	62	- Nói rõ ràng	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu. Phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu. - Đọc những bài đồng dao luyện phát âm. - Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: tại sao?, có gì giống nhau? Có gì khác nhau? Do đâu mà có? - Đặt các câu hỏi: Tại sao? Như thế nào? Để làm gì?,... - Trò chuyện, đàm thoại một số nội dung trong chương trình giáo dục trẻ.
	63	- Sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày.	- Sử dụng Các từ chỉ hành động, tính chất, từ biểu cảm, hình tượng. - Các từ chỉ tên gọi của các sự vật hiện tượng xung quanh trẻ, các từ chỉ đặc điểm của cây rau, hoa quả, con vật, đồ vật, các phương tiện và qui định giao thông...
	64	- Sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp;	- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng. - Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
	65	- Sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân;	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng lời nói. - Biết đặt các câu hỏi để làm rõ thông tin cần tìm hiểu.
	66	- Sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động;	- Biết dùng lời nói để giao tiếp, trò chuyện cùng các bạn. - Biết bày tỏ, chia sẻ hiểu biết, kinh nghiệm của bản thân bằng lời nói để các bạn trong nhóm chơi hiểu và cùng thống nhất tham gia vào hoạt động.
	67	- Kể về một sự việc, hiện tượng nào đó để người khác hiểu được;	- Biết dùng lời nói để diễn tả, miêu tả lại một sự việc hay hiện tượng nào đó mà trẻ biết hoặc chứng kiến. - Biết kể theo trình tự, lô gích, tốc độ vừa phải để người khác hiểu.
	68	- Kể lại được nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định;	- Nghe một số câu chuyện trong chủ đề. - Kể lại chuyện theo trình tự, đầy đủ về nhân vật, lời nói hành động.

Giáo dục phát triển ngôn ngữ	69	- Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện.	- Chủ động trò chuyện, thảo luận trong nhóm chơi hoặc trong các cuộc giao tiếp với người lớn. - Đặt các câu hỏi thảo luận để duy trì và phát triển cuộc trò chuyện.
	70	- Điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp;	- Điều chỉnh được cường độ giọng nói phù hợp với nhu cầu giao tiếp. - Các hành vi, thái độ tôn trọng người khác trong giao tiếp.
	71	- Chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp;	- Chú ý lắng nghe và hiểu nội dung trong câu nói của người khác. - Biết đáp lại bằng thái độ đã hiểu lời nói của người khác bằng cử chỉ, nét mặt và ánh mắt.
	72	- Không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện;	- Thói quen nề nếp trong học tập, sinh hoạt. - Giáo dục phép lịch sự, biết tôn trọng người khác trong giao tiếp, không nói leo, ngắt lời khi người khác đang nói.
	73	- Hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói;	- Biết dùng cử chỉ, nét mặt, điệu bộ để thể hiện mình chưa hiểu lời người khác nói. - Biết đặt câu hỏi phù hợp để hỏi lại khi chưa hiểu lời người khác nói.
	74	- Sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống;	- Biết sử dụng một số từ biểu thị sự lễ phép. các từ biểu cảm, hình tượng. - Biết chào hỏi, tạm biệt, các câu chúc sức khỏe ông bà... biết nói cảm ơn, xin lỗi phù hợp với hoàn cảnh, tình huống trong giao tiếp.
	75	- Không nói tục, chửi bậy.	- Biết nói tục chửi bậy là không tốt, không ngoan. - Có thái độ không đồng tình như: Nhắc bạn bạn không được chửi bậy, nói tục – xấu lắm, hoặc thưa cô khi có bạn chửi bậy...
	76	- Thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh;	- Nhận dạng các chữ cái đã học. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.
	77	Sao chép 1 số ký hiệu, chữ cái, tên của mình	Nhận biết và sao chép được 1 số ký hiệu, chữ cái, tên của mình

78	- Thể hiện sự thích thú với sách, biết phối hợp cùng cô và bạn tạo ra sách truyện tranh đơn giản.	- Thích chơi với sách, xem và đọc sách ở mọi lúc mọi nơi một mình. - Chú ý nghe đọc sách, tìm hiểu nội dung tranh vẽ trong sách (Nhờ người lớn giải thích nội dung tranh, những chữ chưa biết...)
79	- Có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách.	- Xem, nghe đọc và tự “ đọc” sách. - Có một số hành vi giữ gìn, bảo vệ sách (giở sách từng trang, không quăng quật, vẽ bậy, xé, làm nhàu sách, xem sách xong biết cất sách vào nơi qui định.
80	-Biết cách “đọc” sách	- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.
81	- Biết ý nghĩa một số ký hiệu, biểu tượng trong cuộc sống;	- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống hàng ngày (Nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông...)
82	- Biết ý nghĩa một số ký hiệu, biểu tượng trong cuộc sống;	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc sách từ dòng trên xuống dòng dưới, từ trái sang phải, đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.
83	- “Đọc” theo truyện tranh đã biết;	- Xem và đọc các loại sách khác nhau. - Đọc truyện qua tranh vẽ.
84	- Biết kể chuyện theo tranh.	- Biết dựa theo tranh để kể lại thành một câu chuyện. - Sắp xếp tranh theo trình tự nội dung. Kể một câu chuyện có mở đầu có kết thúc.
85	- Biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói;	- Biết chữ viết có thể đọc được, có thể dùng chữ viết để thay cho lời nói. - Biết làm bưu thiếp, thư chúc mừng người thân bằng chữ viết.
86	- Bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái;	- Làm quen với cách viết tiếng Việt, Hướng viết các nét chữ.
87	- Biết “viết” tên của bản thân theo cách của mình;	- Khả năng viết, sao chép tên của mình. - Biết viết tên của mình theo ý thích như viết thường, viết hoa, đầy đủ tên

			hoặc chỉ viết chữ cái đầu, hoặc trang trí tên của mình ...
	88	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.	- Hướng viết của các nét chữ. - Tô các chữ cái đã học - Thực hiện vở bé tập tô
	89	- Nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt.	- Làm quen với các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng việt. Tô, đồ các nét chữ cái đã học. - Nhận dạng một số chữ cái trong bảng chữ cái tiếng việt. Phân biệt chữ cái và chữ số.
Giáo dục phát triển thẩm mỹ	90	- Vẽ, tô màu kín, không chừa ngoài đường viền các hình vẽ.	- Cách cầm bút, tư thế ngồi. - Tô màu trên hình rỗng đã vẽ sẵn - Vẽ và tô màu theo mẫu, theo đề tài, theo ý thích.
	91	- Cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản	- Cắt theo đường thẳng, đường cong. - Cắt rời các hình trên tạp chí, hoạ báo, trên hình vẽ sẵn theo yêu cầu, theo ý thích của trẻ.
	92	- Dán các hình vào đúng vị trí cho trước, không bị nhăn.	- Dán hình theo ý thích, -Dán hình vào vị trí qui định. Không bị nhăn - Dán hình trang trí bức tranh
	93	- Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc;	- Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc và mong muốn người khác khen ngợi.
	94	- Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp	- Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng. -Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh hoạ phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện

Giáo dục phát triển thẩm mỹ	95	Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	- Trẻ thể hiện cảm xúc khi nghe giai điệu của bài hát, bản nhạc và thích ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên và tỏ ra hứng thú trước tác phẩm nghệ thuật
	96	- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển).	- Bé nhận biết được các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển, ...).
	97	Nhận ra giai điệu (vui, êm dịu, buồn) của bài hát hoặc bản nhạc;	- Dùng các biểu tượng, hình mẫu, ký tự khác nhau để thể hiện cảm xúc, nhu cầu của mình
	98	Hát đúng giai điệu bài hát trẻ em;	-Hát vận động các bài hát phù hợp lứa tuổi và các chủ đề trong năm. -Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.
	99	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu	- Cháu biết sử dụng các dụng cụ gõ như phách tre, gáo dừa, song loan,....đệm theo phách, nhịp, tiết tấu của bài hát
	100	- Thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc;	-Hát và Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.
	101	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn).	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích như hình thức bộ gõ cơ thể, sử dụng giấy, lon sữa, nôi, chảo,... - Tự đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn).
	102	-Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, nét, bố cục. -Biết dùng các ký hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân;	- Nhận ra cái đẹp trong nghệ thuật như: Tạo hình, âm nhạc và nhận xét sản phẩm về màu sắc, hình dáng, nét, bố cục. -Vẽ những ký hiệu theo ý thích -Nói ý tưởng và đặt tên sản phẩm tạo hình của mình.
	103	Biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản;	-Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra sản phẩm. -Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt

			dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét và bố cục.
	104	Nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình.	-Vẽ , xé dán, nặn một số sản phẩm tạo hình theo đề tài, theo ý thích. -Nói lên ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình.
	105	Thể hiện ý tưởng của bản thân thông qua các hoạt động khác nhau.	-Tạo âm thanh nhạc cụ, tiếng gió, tiếng suối chảy...
Giáo dục phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội	106	Che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp.	-Thói quen tốt trong giao tiếp với mọi người, trong ăn uống hoặc những nơi công cộng. -Một số thói quen hành vi văn minh
	107	Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng, sạch đẹp	-Thói quen tự phục vụ để giữ vệ sinh cá nhân. -Giữ đầu tóc quần áo sạch sẽ gọn gàng.
	108	Nói được khả năng và sở thích riêng của bản thân	-Sở thích, khả năng của bản thân. -Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.
	109	Đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân.	-Mạnh dạn bày tỏ ý kiến sở thích của bản thân -Đề xuất trò chơi và hoạt động -Biết thuyết phục bạn về đề xuất của mình
	110	Cố gắng thực hiện công việc đến cùng;	-Tự tin khi thực hiện công việc được giao. -Biết trách nhiệm bản thân trong lớp học. -Hoàn thành công việc được giao
	111	Chủ động làm một số công việc đơn giản hằng ngày;	Tự giác thực hiện công việc mà không chờ sự nhắc nhở hay hỗ trợ của người khác như: Tự cất đồ chơi sau khi chơi, Tự giác đi rửa tay.
	112	Mạnh dạn nói ý kiến của bản thân.	-Nói được điều trẻ thích, không thích, làm được không làm được. -Tự tin khi tham gia thảo luận cùng cô và các bạn.
	113	Nhận biết các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ của người khác;	- Nhận biết và nói được các trạng thái cảm xúc của người khác qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói khi tiếp xúc trực tiếp hoặc qua tranh ảnh, phim hình...
	114	Bộc lộ cảm xúc của bản thân bằng	- Thể hiện cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi,

Giáo dục phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội		lời nói, cử chỉ và nét mặt;	tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ,...) với bố mẹ, anh chị em, bạn bè, cô giáo...) -Tình cảm yêu thương và Kính yêu Bác Hồ. -Thể hiện tình cảm với các con vật. -Thể hiện tình cảm với thiên nhiên. -Cảnh đẹp của quê em.
	115	Nhận biết 1 số trạng thái cảm xúc	-Nhận biết 1 số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ,...) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc,....
	116	- Thể hiện sự an ủi và chia vui với người thân và bạn bè;	-Nhận biết tâm trạng của người thân, bạn bè. -Biết quan tâm chia sẻ, an ủi bạn bè, người thân bằng cử chỉ lời nói phù hợp với tâm trạng (vui, buồn) của họ.
	117	- Thích chăm sóc cây cối, con vật quen thuộc;	-Nhận biết cây cối, con vật cần được chăm sóc và bảo vệ để lớn lên và phát triển. -Biết thể hiện tình cảm với các con vật Cho con vật quen thuộc ăn, vuốt ve, âu yếm... -Thể hiện tình cảm với thiên nhiên Thích được tham gia chăm sóc cây cối như : Nhặt lá úa, nhổ cỏ, lau lá cây, ...
	118	Thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh	-Biết điều chỉnh hành vi của bản thân phù hợp với tình huống, hoàn cảnh. -Biết thể hiện cảm xúc của bản thân phù hợp với tình huống, phù hợp hoàn cảnh.
	119	Biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích.	-Biết trấn tĩnh, hạn chế cảm xúc tiêu cực như: La hét, gào khóc, ném đồ chơi ... khi được người khác an ủi, chia sẻ và giải thích. -Biết sử dụng lời nói để diễn tả cảm xúc của bản thân khi giao tiếp với bạn bè và người thân. -Biết an ủi và chung vui với người thân và gia đình.
	120	Dễ hoà đồng với bạn bè trong nhóm chơi; - Chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi;	-Biết tạo sự thân thiện trong quá trình tham gia chơi tập thể. -Nhanh chóng nhập cuộc để cùng chơi với các bạn. - Biết chia sẻ, giúp đỡ, phối hợp với bạn trong quá trình chơi

Giáo dục phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội			- Mạnh dạn, tự tin trong giao tiếp. - Chủ động bắt chuyện và trả lời các câu hỏi trong giao tiếp
	121	- Thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng, đồ chơi với những người gần gũi;	- Chơi thân thiện với bạn, Chia sẻ với bạn những cảm xúc vui buồn của bản thân. - Biết lắng nghe ý kiến, Trao đổi, hướng dẫn và chia sẻ đồ dùng với bạn trong hoạt động cùng nhóm.
	122	- Sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn.	- Biết chủ động giúp đỡ khi thấy bạn, người khác gặp khó khăn. - Quan tâm, chia sẻ giúp đỡ bạn.
	123	- Có nhóm bạn chơi thường xuyên;	- Thích chơi cùng với các bạn, Cử chỉ thân mật, tôn trọng và hợp tác. - Quan tâm, chia sẻ và nhường nhịn bạn khi chơi.
	124	- Biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động.	- Có ý thức chờ đợi đến lượt, không chen lấn xô đẩy bạn, - Rèn luyện tính kiên trì. Tuân thủ theo nội qui qui định của lớp học. -Nề nếp thói quen trong học tập , sinh hoạt.
	125	- Lắng nghe ý kiến của người khác;	- Biết chú ý lắng nghe khi người khác nói, kể chuyện. - Mạnh dạn tự tin chia sẻ suy nghĩ, chờ đến lượt trao đổi, bổ sung ý kiến với bạn khi giao tiếp. - Chấp nhận sự khác nhau giữa các ý kiến và cùng nhau thống nhất để cùng thực hiện.
	126	- Trao đổi ý kiến của mình với các bạn;	- Trẻ tự tin, cởi mở và thân thiện với các bạn. - Vui vẻ trình bày ý kiến và cùng thảo luận với các bạn trong các hoạt động, trong nhóm chơi.
	127	- Thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè;	- Chơi với bạn vui vẻ, không đánh bạn, biết giúp đỡ bạn. -Có cách ứng xử, giải quyết vấn đề khi trong nhóm chơi gặp mâu thuẫn.
	128	Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn;	-Vui vẻ, chấp nhận và hợp tác. -Thái độ chấp hành nhiệm vụ một cách vui vẻ và sẵn sàng.
	129	Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác.	-Chủ động, độc lập trong một số hoạt động. -Thực hiện công việc được giao (Trực

Giáo dục phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội			nhật, xếp dọn đồ chơi)
	130	Nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác;	- Trẻ biết chấp hành một số qui tắc, qui định ở lớp, gia đình, nơi công cộng. - Cách giao tiếp ứng xử có văn hóa với mọi người. - Biết giải thích được hành vi của mình hoặc của người khác sẽ ảnh hưởng gì đến lớp, bạn và mọi người..
	131	Có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn	- Rèn luyện thói quen, hành vi, cử chỉ lễ phép, lịch sự. - Thói quen xưng hô thân mật với bạn, lễ phép với người lớn.
	132	Đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết;	- Mạnh dạn nhờ sự giúp đỡ của cô và các bạn khi cần thiết. - Mạnh dạn tự tin bày tỏ ý kiến.
	133	Nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường; - Có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày.	- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng”, “sai”, “tốt”, “xấu”. - Thói quen bỏ rác vào thùng, Cát dọn đồ dùng đồ chơi ngăn nắp, Tham gia quét, dọn vệ sinh lớp. - Tiết kiệm điện nước. - Chăm sóc cây xanh trong lớp. - Nhận ra 3 – 5 hành vi đúng sai của con người đối với môi trường như: Vứt rác bừa bãi, bẻ cây... - Tiết kiệm điện nước trong gia đình và lớp học.
	134	Chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với mình;	- Điểm giống và khác nhau giữa bé và các bạn. (về giới tính, vóc dáng, màu da, Gia đình giàu có, gia đình nghèo...) - Sở thích, khả năng, năng khiếu của bản thân - Vị trí và trách nhiệm của bé trong gia đình. - Vị trí và trách nhiệm của bé ở lớp, ở trường.
	135	- Quan tâm , chia sẻ, giúp đỡ bạn	- Biết tôn trọng mọi người, có ý thức chấp nhận sự công bằng trong nhóm bạn. - Mạnh dạn nhận xét và có ý kiến về sự công bằng giữa các bạn.

PHẦN III: CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

ST T	THỜI GIAN	CHỦ ĐỀ	DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ NHÁNH	THỜI GIAN THỰC HIỆN
Ổn định nề nếp : 08/09-12/9/2025				
1	15/9/2025 – 3/10/2025	Trường mầm non hoa phượng (3 tuần)	Trường mầm non của bé	15-19/9/2025
			Công việc của người lớn trong trường mầm non	22-26/9/2025
			Những nội qui trong lớp của bé	29/9-03/10/2025
2	Từ 06/10 - 24/10/2025	Bản thân (3 tuần)	Cơ thể của bé <i>Thứ 2 ngày 06/10 lồng ghép Trung thu của bé</i>	6/10-10/10/2025
			Sự khác biệt giữa tôi với bạn	13-17/10/2025
			Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh <i>Thứ 2 ngày 20/10 lồng ghép ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10</i>	20-24/10/2025
3	27/10-14/11/2025	Gia đình của bé (3 tuần)	Bé với các thành viên trong gia đình	27-31/10/2025
			Gia đình bé cần những đồ dùng nào?	03/11-7/11/2025
			Bé cần làm gì để được an toàn khi ở nhà	10-14/11/2025
4	17/11– 12/12/2025	Thế giới của các con vật (4 tuần)	Những con vật sống trong gia đình <i>Thứ 5, ngày 20/11 lồng ghép ngày nhà giáo Việt Nam .</i>	17-21/11/2025
			Động vật sống trong rừng	24-28/11/2025
			Bé khám phá đại dương	01-05/12/2025
			Động vật sống nơi ở khắp mọi nơi	8-12/12/2025
5	15/12- 09/01/2026	Thế giới thực vật (4 tuần)	Cây xanh trong trường bé	15-19/12/2025
			Các loại hoa trong sân trường <i>Thứ 2, ngày 22/12 lồng ghép ngày thành lập quân đội nhân dân VN. Thứ 5 ngày 25/12 lồng ghép Lễ Giáng sinh</i>	22-26/12/2025
			Một số loại quả mà bé biết	29/12-

			Thứ 5 ngày 1/1 nghỉ tết dương lịch	02/01/2026
			Bé thích các loại rau có nhiều vitamin	5-9/01/2026
6	12/01-30/01/2026	Lớn lên bé thích làm nghề gì? (3 tuần)	Bé tìm hiểu về nghề nông dân	12-16/01/2026
			Nghề bác sĩ	19-23/01/2026 HKII
			Lớn lên bé làm nghề gì?	26-30/01/2026
7	02/2 - 27/2/2026	Tết nguyên đán (3 tuần)	Mùa xuân đã về	2/2-6/02/2026
			Bé cùng gia đình chuẩn bị đón tết	9-13/02/2026
Nghỉ tết nguyên đán: 1 tuần (từ 16/02- 20/2/2026)				
			Bé vui chơi sau tết	23-27/2/2026
8	02/03–20/03/2026	Quê hương của bé (3 tuần)	Khu phố nơi em sống Thứ 3, Lễ hội rước Bà quê em Thứ 6, lồng ghép ngày Quốc tế phụ nữ 8/3	02/3-6/3/2026
			Một số nghề truyền thống ở Bình Dương	9-13/3/2026
			Bé du lịch vòng quanh đất nước	16-20/3/2026
9	23/3 - 03/04/2026	Giao thông (2 tuần)	Bé biết những phương tiện giao thông nào?	23/3-27/3/2026
			Một số biển báo và luật giao thông đơn giản	30/3-03/4/2026
10	06/04 -24/04/2026	Các hiện tượng thiên nhiên (3 tuần)	Nước -cát-sỏi đá.	6-10/4/2026
			Nắng và gió	13-17/4/2026
			Cùng bé bảo vệ môi trường biến đổi khí hậu	20-24/4/2026
Hoạt động khác Giỗ tổ Hùng Vương 27/04 Giải phòng miền Nam 30/04 Quốc tế lao động 01/05				27/4-01/5/2026
11	27/4-8/5/2026	Thủ đô- bác hồ	Bé yêu Thủ đô Hà Nội	4/5-8/5/2026

		(2 tuần)	Bác Hồ của em	10-15/5/2026
12	10/05-22/05/2026	Trường tiểu học (2 tuần)	Bé tham quan trường tiểu học	18-22/5/2026
			Những đồ dùng bé cần chuẩn bị khi vào lớp 1. <i>Thứ 3, ngày 19/5 lồng ghép sinh nhật Bác</i>	22 - 29/05/2026

PHẦN IV: LỊCH SINH HOẠT MỘT NGÀY

* **Khởi Lát:**

THỜI GIAN	THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6
7h00 – 7h15	ĐÓN TRẺ				
7h15 – 7h30	THỂ DỤC SÁNG				
7h30 – 8h00	ĂN SÁNG				
8h00 – 8h30	HOẠT ĐỘNG NGOÀI TRỜI				
8h30 – 8h40	VỆ SINH-UỐNG SỮA				
8h40 – 9h05 9h05 – 9h35	HOẠT ĐỘNG GIỜ HỌC				
	GDAN	TH	LQVT	LQVH	LQCV
		HĐKP		TDGH	
9h35 – 10h15	HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI				
10h15 – 10h30	VỆ SINH				
10h30 – 11h20	ĂN TRƯA				
11h20 – 13h40	NGỦ TRƯA				
13h40 – 13h50	VỆ SINH – ĂN XÉ				
13h50 – 14h20	HOẠT ĐỘNG CHIỀU				
14h20 – 14h50	Ngoại khóa (13h50-14h20) TTVS	Ngoại khóa 13h50-14h20 HDTC	Ngoại khóa 13h50-14h20 THỰC HIỆN SÁCH BÉ VÀO LỚP	Ngoại khóa (13h50-14h20) THNTH	SHTT LĐTT
14h50 – 15h30	VỆ SINH - ĂN CHIỀU				

15h30 – 16h00	NÊU GƯƠNG
16h00 – 17h00	TRẢ TRỀ



Duyệt HPCM

Nguyễn Hồng Thanh

Tổ trưởng chuyên môn

Nguyễn Huỳnh Tiên